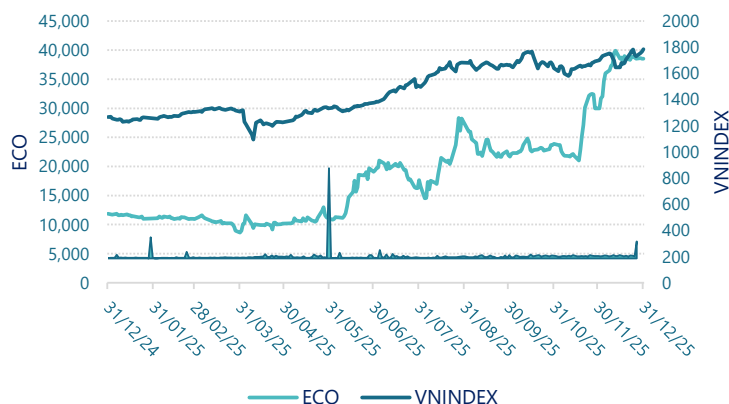


CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam (UPCOM: ECO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,631
SL cổ phiếu LH	29,999,985
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,285
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,155
P/E	87.0
EPS	442

DT thuần

Q4/25

110

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -5.2%

YoY: ▼24.0 | -18.0%

LN sau thuế

Q4/25

2.69

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.44 | -47.5%

YoY: ▼1.15 | -29.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

467

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0 | 2.9%

LN sau thuế

2025

13.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.90 | -6.3%

ROE

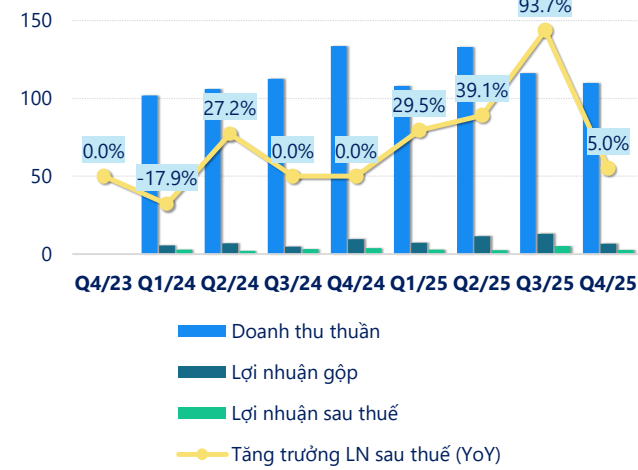
2025

5.7%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

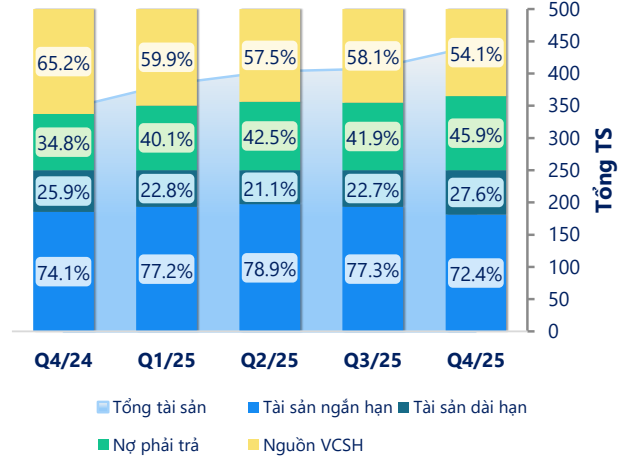
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

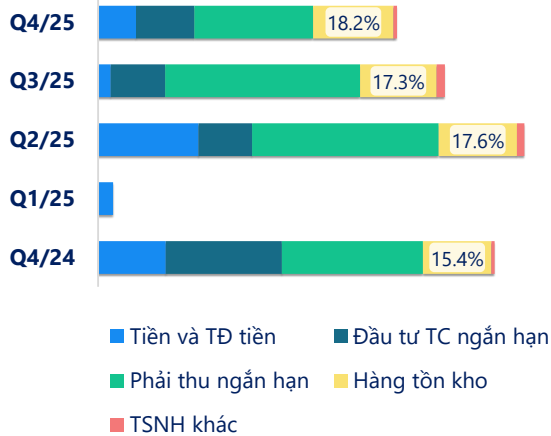
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



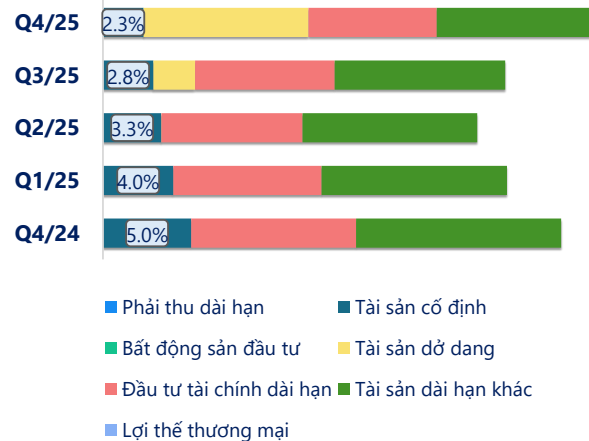
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

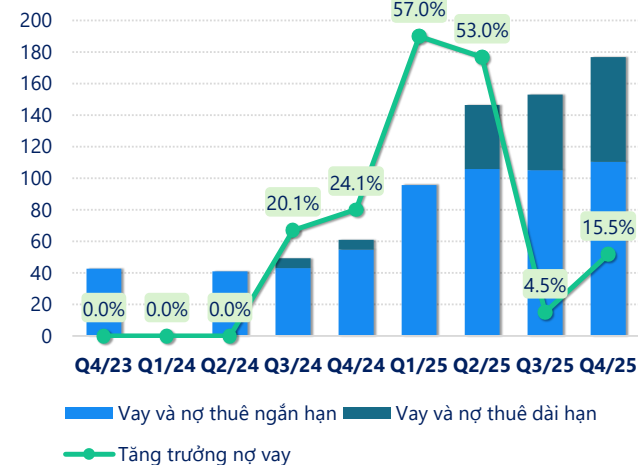
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

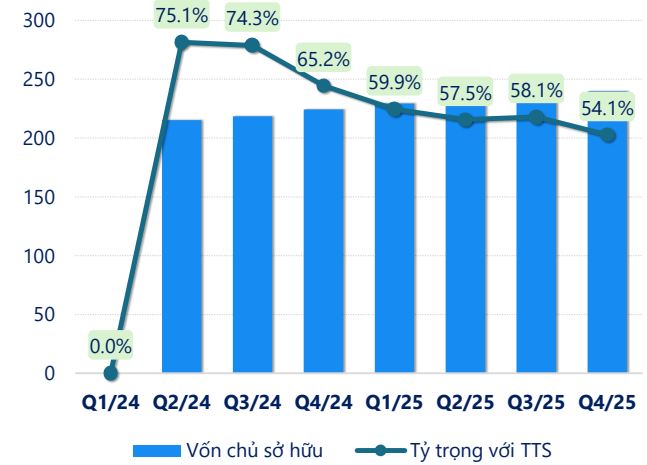
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

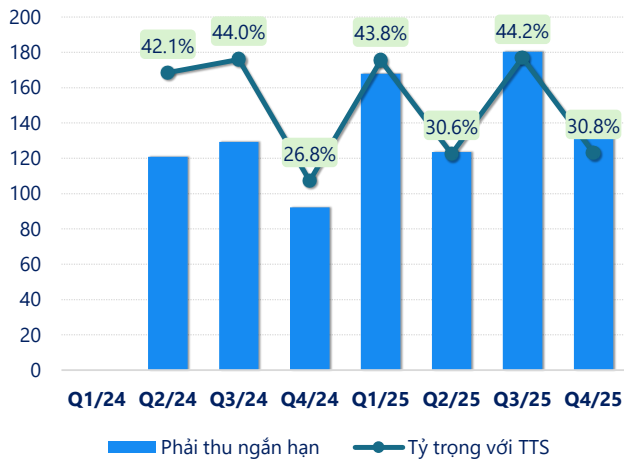
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


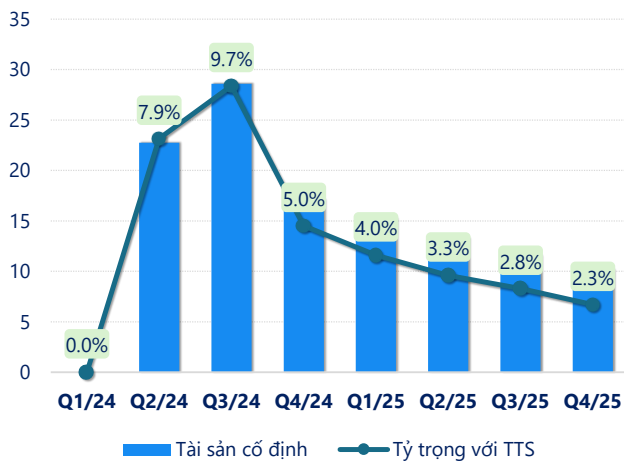
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

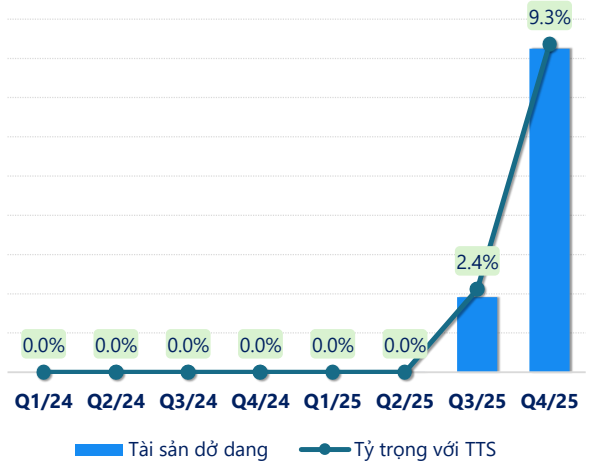

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

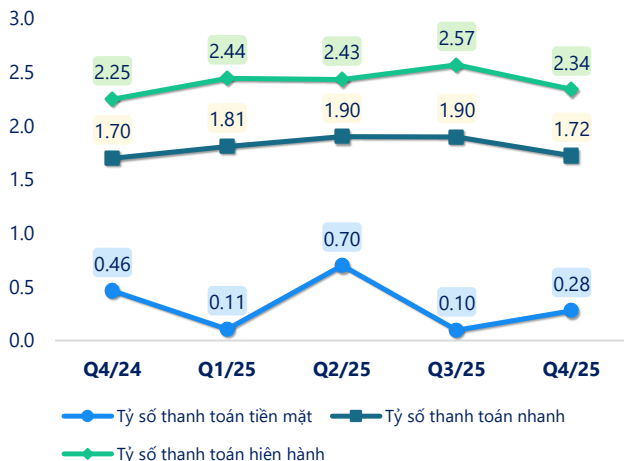
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

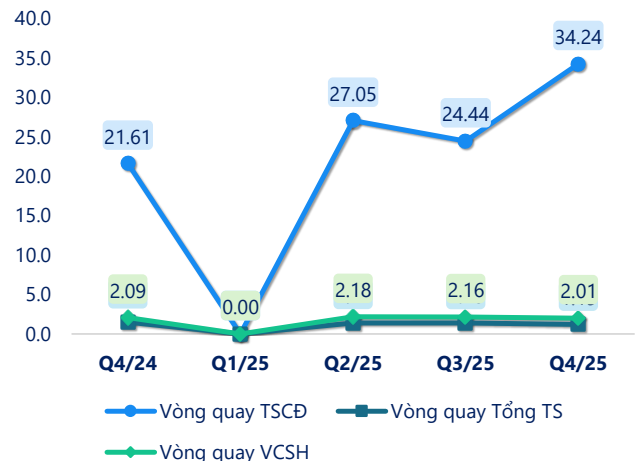
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	344	383	403	407	443
Tài sản ngắn hạn	255	296	318	315	321
Tiền và tương đương tiền	52.4	12.9	91.4	11.7	37.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.4	30.4	28.1	32.9	51.4
Phải thu ngắn hạn	92.2	168	124	180	136
Hàng tồn kho	62.4	76.9	69.6	82.5	84.6
Tài sản ngắn hạn khác	2.59	7.57	5.36	7.59	10.8
Tài sản dài hạn	88.9	87.3	85.1	92.5	122
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	17.1	15.2	13.3	11.6	10.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.01	9.58	41.2
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	32.0	32.1	32.1	32.0
Tài sản dài hạn khác	39.8	40.0	39.7	39.2	38.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	120	154	171	171	204
Nợ ngắn hạn	113	121	131	123	137
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.7	95.7	106	105	110
Phải trả người bán ngắn hạn	17.5	15.0	16.8	9.98	15.7
Nợ dài hạn	6.23	32.7	40.6	47.9	66.4
Vay và nợ thuê dài hạn	6.23	0	40.6	47.9	66.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	224	229	232	237	240
Vốn chủ sở hữu	224	229	232	237	240
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)